

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/01/2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch

Ông Vũ Xuân Tuất .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 946/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh T** – sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T A, xã TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Tô Hiền V** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp T A, xã TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(*chị T có mặt, anh V vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2012 tại UBND xã TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do không có sự tin tưởng nhau về tình cảm, cãi vã, xung đột. Vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, hạnh phúc gia đình không có. Mặc dù sống cùng nhà với nhau nhưng không ai quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm của chị T đối với anh V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại tòa, chị T xác định giữa chị và anh V không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tô Hiền V.

- **Về con chung:** Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là Tô Trần

Ngọc V, sinh ngày 02/5/2014 và Tô Trần Ngọc N, sinh ngày 18/01/2016.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và đồng ý giao cháu N cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tô Hiền V trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh V và chị T tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2012 tại UBND xã TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do không có sự tin tưởng nhau về tình cảm, anh Vinh thừa nhận bản thân đã có lần dùng vũ lực với chị T, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Nay tình cảm của anh V đối với chị T vẫn còn, do vậy, chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn với chị T.

- **Về con chung:** Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là Tô Trần Ngọc V, sinh ngày 02/5/2014 và Tô Trần Ngọc N, sinh ngày 18/01/2016.

Trong trường hợp ly hôn, anh V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và đồng ý giao cháu Vi cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- **Về tài sản chung:** Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về nội dung: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị T được ly hôn với anh V. Về con chung: Giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh V, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Tô Hiền V, sinh năm: 1986 có nơi cư trú tại: Ấp TA, xã TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị - Trần Thị Thanh T, bị đơn – là anh Tô Hiền V có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18; 19 tháng 01 năm 2021. Do vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh V

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12 tháng 10 năm 2012, hôn nhân của chị T và anh V phù hợp với các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Tô Hiền V.

Chị T và anh V đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do không có sự tin tưởng nhau về vấn đề kinh tế lẫn tình cảm, không có sự thông cảm và chia sẻ, vợ chồng không thương yêu, quý trọng nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Anh V cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình, tuy nhiên anh V không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với chị T, đồng thời tại phiên tòa hôm nay anh V vắng mặt thể hiện việc anh V không có thiện chí tiếp tục hàn gắn đoàn tụ với chị T. Do vậy yêu cầu của anh V để vợ chồng đoàn tụ là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định, phân tích trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T.

3.2 - Về con chung: Chị T, anh V có 02 (hai) con chung Tô Trần Ngọc V, sinh ngày 02/5/2014 và Tô Trần Ngọc N, sinh ngày 18/01/2016. Hiện cháu V đang được chị T trực tiếp chăm sóc, cháu N đang được anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, cần thiết giao cháu Tô Trần Ngọc V, sinh ngày 02/5/2014 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Tô Trần Ngọc N, sinh ngày 18/01/2016 cho anh V tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, tạm thời chị T, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3.3. Về tài sản chung: Chị T, anh V không yêu cầu giải quyết.

3.4. Về nợ chung: Chị T, anh V trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị Thủy phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 220; 227; 228; 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” với anh Tô Hiền V.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Tô Hiền V.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Trần Ngọc V, sinh ngày 02/5/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Tô Trần Ngọc N, sinh ngày 18/01/2016 cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm thời chị T, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh V được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0006153 ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAT, THA, VKS;
- Dương sự;
- UBND xã Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Và Kíu